

TỔNG CỤC THỐNG KÊ  
VIỆN KHOA HỌC THỐNG KÊ

## BÁO CÁO KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

### ĐỀ TÀI

## NGHIÊN CỨU CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN QUÁ TRÌNH DÂN SỐ Ở VIỆT NAM

*Số đăng ký* :

*Cấp quản lý* :

*Đơn vị chủ trì* : Viện Khoa học Thống kê

*Chủ nhiệm đề tài* : Nguyễn Văn Hiến , Phó Viện trưởng

Viện Khoa học Thống kê

2060  
14/11/95

## ĐỀ TÀI

# NGHIÊN CỨU CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN QUÁ TRÌNH DÂN SỐ Ở VIỆT NAM

### I. Quá trình dân số và mối quan hệ giữa quá trình dân số với các quá trình kinh tế - xã hội

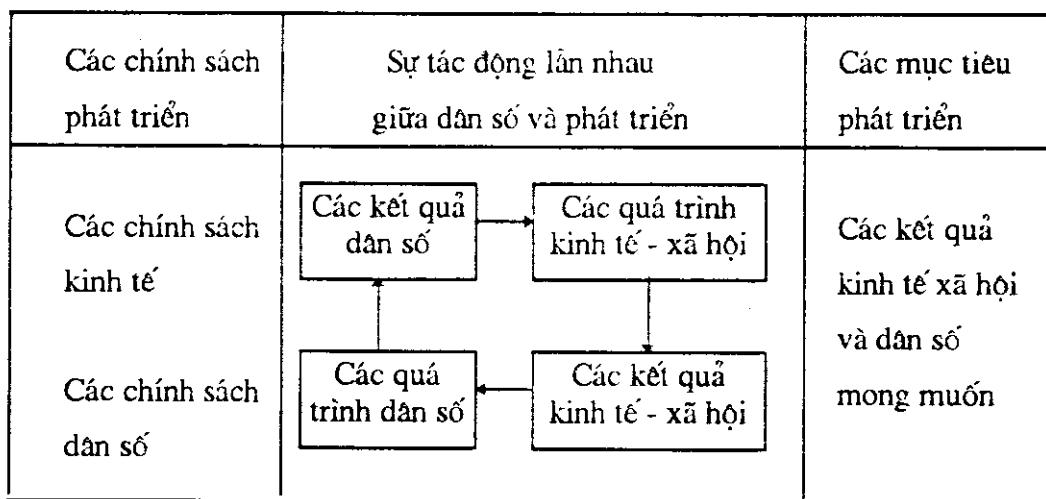
Quá trình dân số (population processes) đôi khi còn được gọi là động thái dân số (population dynamics) là nói đến sự biến đổi của dân số theo thời gian. Sự biến đổi này là những biến đổi về quy mô và cơ cấu của dân số, xảy ra do:

- Sinh sản
- Tử vong
- Di cư

Do đó khi nghiên cứu các yếu tố tác động đến quá trình dân số ta cần nghiên cứu các yếu tố tác động đến sinh sản, tử vong và di cư.

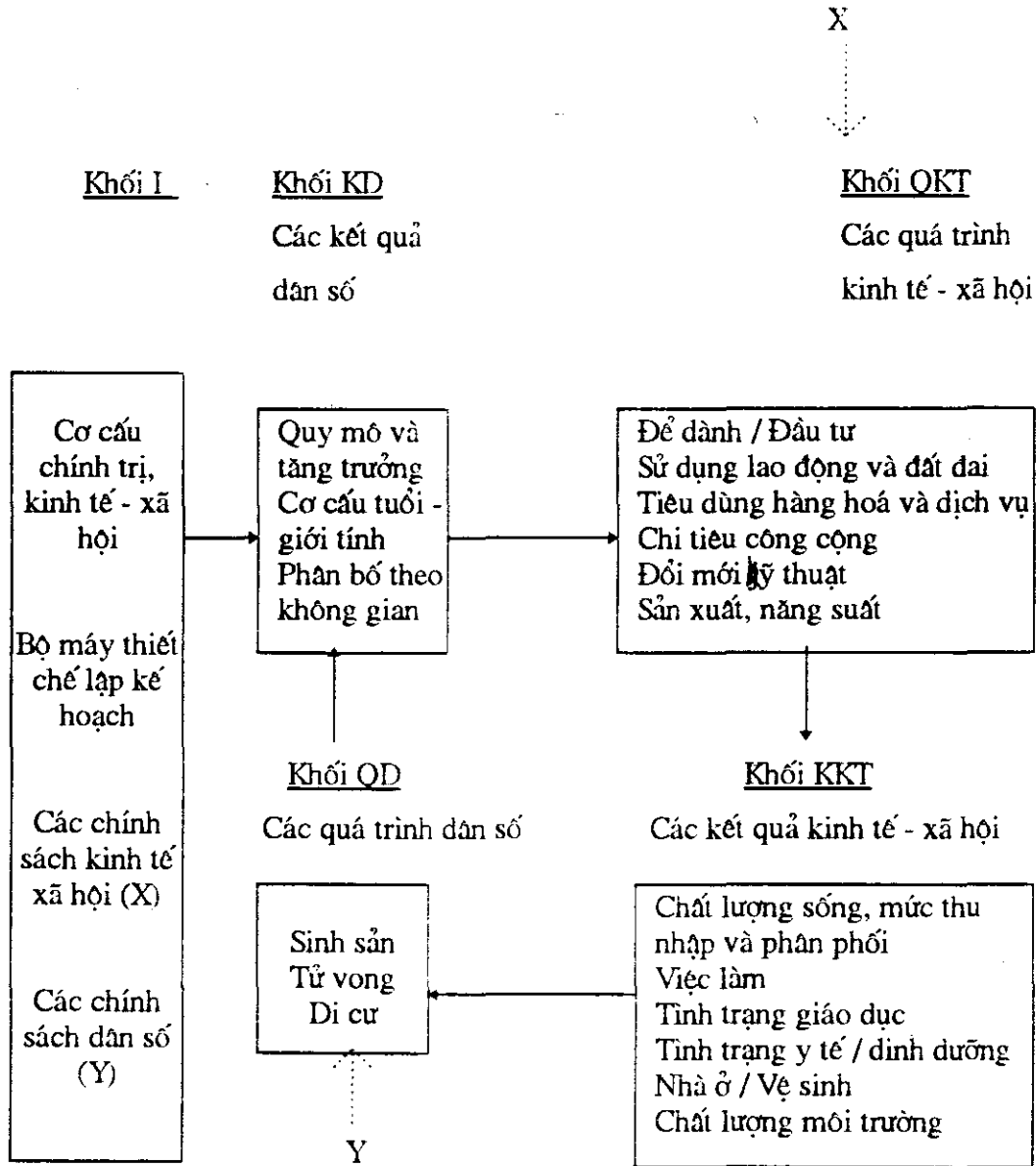
Nhìn chung các quá trình dân số và các quá trình kinh tế - xã hội có tác động lẫn nhau theo sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.



Sơ đồ 1 chỉ nêu khái quát mối quan hệ giữa dân số và phát triển kinh tế - xã hội. Ta có thể nêu tương đối chi tiết theo sơ đồ 2 như sau :

Sơ đồ 2.



Sơ đồ 2 giúp ta nghiên cứu ở mức độ vĩ mô các quan hệ dân số và kinh tế - xã hội. Khối QD (phản ánh các quá trình dân số) quyết định khối KD (các kết quả của dân số), và KD tác động đến phát triển kinh tế và tiến bộ xã hội (khối QKT). Các quá trình kinh tế bị tác động bởi các tác động dân số học và có sự can thiệp của các chính sách kinh tế - xã hội

(mũi tên chấm chấm X) sẽ quyết định các kết quả kinh tế xã hội (khối KKT), và đến lượt nó KKT tác động đến các quá trình dân số (khối QD). Sự biến động dân số cũng bị ảnh hưởng trực tiếp của các chính sách dân số như kế hoạch hoá gia đình, các chương trình y tế và bố trí lại dân cư (mũi tên chấm chấm Y).

Trên đây là sơ đồ tổng quát giúp ta quan sát những liên hệ tác động đến các quá trình dân số. Sau đây ta sẽ đi sâu vào từng mặt (sinh sản, tử vong và di cư) của quá trình đó và xem xét ở 3 cấp độ :

+ *Cấp vĩ mô*: tập trung vào các cá nhân (các cặp vợ chồng), là những người quyết định cuối cùng về các hành động dân số.

+ *Cấp trung mô*: có liên quan đến các gia đình, tôn giáo, các nhóm lao động, láng giềng và các nhóm khác mà các cá nhân là thành viên hoặc có ảnh hưởng đến các cá nhân. Các đơn vị này làm trung gian giữa các hình thái xã hội lớn hơn và cá nhân.

+ *Cấp vi mô*: liên quan đến một vùng, toàn xã hội và thế giới.

Ví dụ chúng ta có thể chỉ muốn so sánh tình hình tăng trưởng dân số giữa các quốc gia, còn các nhóm trong phạm vi quốc gia thay đổi về quy mô ra sao có thể không cần quan tâm đặc biệt. Hoặc chúng ta có thể chỉ muốn xem xét những sự khác nhau giữa các nhóm tôn giáo về khả năng sinh sản, còn các cá nhân chấp nhận khả năng sinh sản nào làm kiểu mẫu của mình thì ít quan tâm. Hoặc có thể sự biến đổi của các cá nhân về các cơ hội sống sót làm chúng ta chú ý, còn các tỷ suất chết ở các cấp vi mô và trung mô thì không đặc biệt quan tâm.

Ba cấp độ trên phản ánh các mức ảnh hưởng hoặc các tập nhân tố tác động đến các kết cục dân số. Ví dụ ảnh hưởng vi mô tới khả năng sinh sản có thể là mức phát triển kinh tế của một quốc gia, nó có mối liên hệ nghịch tới tỷ suất sinh. Luật về bảo vệ sức khoẻ sẽ có tác động đến tử vong. Các nhân tố khí hậu sẽ thúc đẩy một số người thay đổi chỗ ở.

Các ảnh hưởng trung mô là các ảnh hưởng có tính chất chuẩn mực chung, hoạt động thông qua các thể chế của cộng đồng hoặc các nhóm cá nhân gắn bó với nhau. Đó là các phong tục, tập quán tạo thành tiêu chuẩn hành vi đối với các cá nhân. Ví dụ cha mẹ hoặc các thành viên gia đình khác chấp nhận hoặc không chấp nhận các hành vi về dân số. Mục sư nhà thờ địa phương thuyết giáo về những vấn đề ấy. Một nhóm giai cấp xã hội xác định kiểu sống cần duy trì và thế giới quan cho một quan điểm về hành vi dân số học.

Cuối cùng các ảnh hưởng vi mô thể hiện dưới dạng đặc trưng đơn nhất của các cá nhân và các cách suy nghĩ và hành động đặc thù. Vì các cá nhân sống trong xã hội và trong các

nhóm, họ học và tiếp thu một số chuẩn mực, còn những chuẩn mực khác thì không. Họ phát triển sở thích đối với các giá trị đặc biệt và cái tốt. Ngoài ra mỗi cá nhân còn có tính chất sinh học riêng. Một người đàn ông hay một người đàn bà có thể không có khả năng sinh con. Một người tàn tật có thể không có khả năng di cư và một người có một sai lệch về di truyền có thể chết sớm. Bất kỳ giải thích đầy đủ nào về sự biến đổi dân số cũng phải tính đến sự tương tác giữa các nhân tố cá nhân ấy với những nhân tố thuộc cấp nhóm và xã hội.

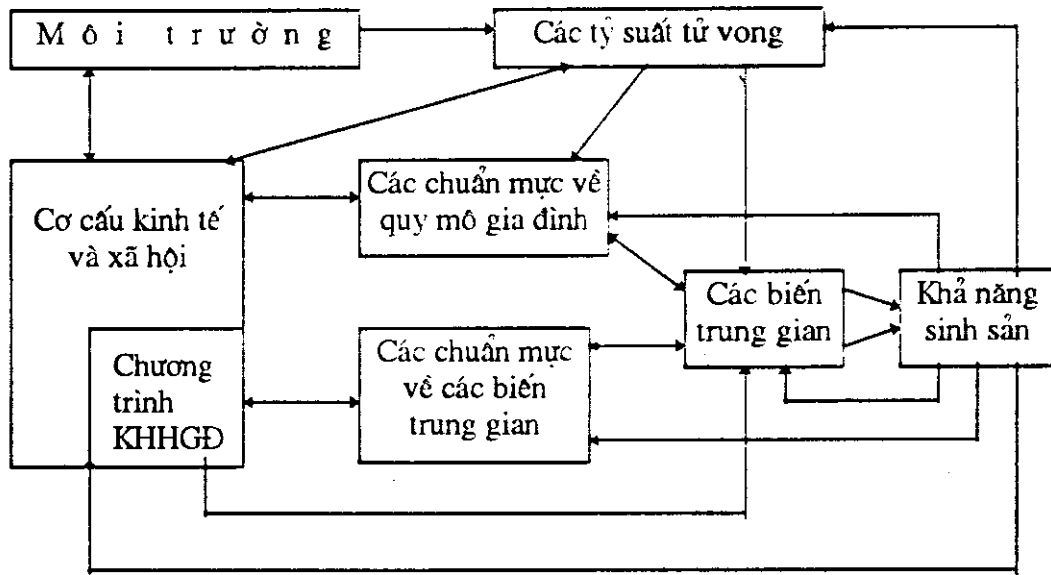
## II. Các yếu tố tác động đến quá trình dân số

### 1. Các yếu tố tác động đến sinh sản.

Nghiên cứu đến khả năng sinh sản của con người chiếm một vị trí trung tâm trong nghiên cứu dân số. Đó là do khả năng sinh sản của con người quyết định sự thay thế về mặt sinh học và sự duy trì xã hội loài người. Bất kỳ xã hội nào cũng tự bổ sung thông qua quá trình sinh sản của con người. Do đó trong các quá trình dân số khả năng sinh sản là một lực tích cực, thông qua nó mà dân số tăng lên, tương tác với lực làm tiêu hao do tử vong. Nếu sự thay đổi này không thích hợp, tức là nếu số chết ở một xã hội nào đó liên tục nhiều hơn số sinh, thì xã hội đó có nguy cơ trở nên tuyệt chủng. Mặt khác nếu sự thay đổi này lại quá nhiều thì cũng có thể gây ra nhiều vấn đề chính trị, xã hội cho một đất nước. Quá trình thay thế một dân số thông qua khả năng sinh sản là một quá trình phức tạp. Trong phạm vi sinh học về khả năng sinh sản của con người, có nhiều nhân tố xã hội, văn hoá, tâm lý, cũng như chính trị và kinh tế thể hiện sự tác động, và các nhân tố ấy quyết định các mức độ và sự khác nhau về khả năng sinh sản. Do đó các chính sách và các chương trình phát triển kinh tế - xã hội như chương trình tăng thu nhập quốc dân, tăng năng suất lao động, nâng cao trình độ văn hoá, giáo dục, nâng cao công tác y tế và sức khoẻ và tăng cường phúc lợi công cộng... đều có ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến khả năng sinh sản.

Nhiều nhà nghiên cứu đã triển khai những khuôn khổ lý thuyết để giải thích khả năng sinh sản, trong đó có nhấn mạnh các nhân tố quan trọng nhất. Sau đây là một sơ đồ phân tích khả năng sinh sản :

Sơ đồ 3 : Sơ đồ các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng sinh sản:



*Nguồn* : Ronald Freedman, The Sociology of Human Fertility

( New York : Irvington Publisher, Inc. 1975 p. 15)

Trong sơ đồ có các biến về môi trường nói chung như sức khỏe, lương thực hoặc cung cấp nước. Đó là các nhân tố vĩ mô.rất quan trọng vì chúng có thể hạn chế lớn đến khả năng thụ thai hoặc mang thai đến ngày ở cũ. Các nhân tố môi trường lại tác động đến tỷ suất tử vong và có thể làm cho các cặp vợ chồng tăng sinh đẻ nói chung của họ để có số con mong muốn còn sống được đến tuổi thành niên. Các biến về cơ cấu kinh tế và xã hội trong sơ đồ gồm các nhân tố vĩ mô khác như xã hội có hay không có một chương trình KHHGD, hoặc cơ cấu ngành nghề nói chung của nó.

Tuy nhiên, ở giữa sơ đồ là các nhân tố trung mô, đó là các chuẩn mực. Xã hội bắt tôn trọng các chuẩn mực thông qua các luật pháp tích cực hoặc cấm đoán. Về trường hợp khả năng sinh sản, nhiều người lập luận rằng tái sinh sản là quan trọng đến mức nó sẽ là "một sự không bình thường về mặt xã hội học nếu các giải pháp văn hoá chuẩn mực không được triển khai để đáp ứng vấn đề này". Nói khác đi, các xã hội có các tiêu chuẩn về quy mô gia đình, theo lý thuyết này nó bắt buộc chúng thông qua các cách trừng phạt đối với những

người có quá ít hoặc quá nhiều con. Những sự trừng phạt này có thể hoàn toàn nhẹ nhàng, như gọi các cặp vợ chồng là "ích kỷ" nếu họ vẫn tự nguyện không có con, hoặc có thể rất mạnh mẽ, như ở các xã hội có các khoản tiền phạt đối với các cặp có quá nhiều con.

Một số nhà kinh tế đã nhấn mạnh quan điểm là các cháu bé hoặc trẻ em có thể được coi là các đồ tiêu dùng lâu bền như xe hơi, tủ lạnh, hoặc các hàng hoá khác. Do vậy các nhà lý thuyết ấy lập luận rằng thu nhập tăng sẽ dẫn đến tiêu dùng lớn hơn về trẻ em, hay nói rộng ra là đến các tỷ suất sinh cao hơn.

Trong thực tế các tỷ suất sinh có vẻ cao hơn ở các nước thu nhập thấp lẫn các cặp vợ chồng có thu nhập thấp, nên lý thuyết kinh tế nói trên đã thu hút nhiều tranh luận. Sau khi soát xét lại cách tiếp cận này đã nhấn mạnh tầm quan trọng phải bổ sung thêm các nhân tố vì mô như các sở thích hoặc ưa thích mà các biến trung mô trong mô hình và đã phân biệt được số lượng trẻ em một cặp "tiêu dùng" và chất lượng những đứa trẻ ấy. Với những bổ sung ấy sẽ dễ hiểu hơn tại sao tăng thu nhập lại có thể gây ra một số lượng trẻ con lớn hơn, hoặc có thể chỉ gây ra một sự đầu tư lớn hơn vào mỗi đứa trẻ thông qua chi tiêu lớn hơn về giáo dục, quần áo, hoặc các hàng hoá và các dịch vụ khác.

Sau này có một vài biến thể về các cách tiếp cận ấy đã nhấn mạnh rằng các yếu tố quyết định được khả năng sinh sản hoạt động chủ yếu thông qua một hoặc một số nhân tố sau:

1. Nhu cầu về con cái

2. Tiềm năng cung về con cái (tức là số con) nếu không có nỗ lực kiểm soát khả năng sinh sản.

3. Chi phí điều khiển khả năng sinh sản. Biến này là bổ sung quan trọng vì sử dụng tránh thai không những cần chi phí bằng tiền như mua thuốc uống tránh thai và các thứ khác mà cả các dạng khác như sự bất tiện hoặc nguy cơ về sức khoẻ.

Sơ đồ 3 còn có một tập các biến được gọi là "trung gian" cũng như các chuẩn mực về các biến ấy. Các biến trung gian gồm ba nhân tố trực tiếp đi trước sinh sản:

1. Các nhân tố tác động đến tần suất giao hợp.

2. Các nhân tố tác động đến thụ thai.

3. Các nhân tố tác động đến thời kỳ thai nghén và sinh đẻ thành công.

Ví dụ:

- Các nhân tố tác động đến giao hợp gồm có độ tuổi thông thường bước vào quan hệ tình dục, số người độc thân vĩnh viễn trong một xã hội, hoặc tiết dục trong hôn nhân do xa nhau.

- Các nhân tố tác động đến thụ thai là không sinh đẻ tự nguyện hoặc không tự nguyện hoặc sử dụng tránh thai.

- Cuối cùng các nhân tố tỷ suất chết bào thai do các nguyên nhân tự ý hoặc không chủ tâm tác động đến cả thời kỳ thai nghén lẫn sinh đẻ.

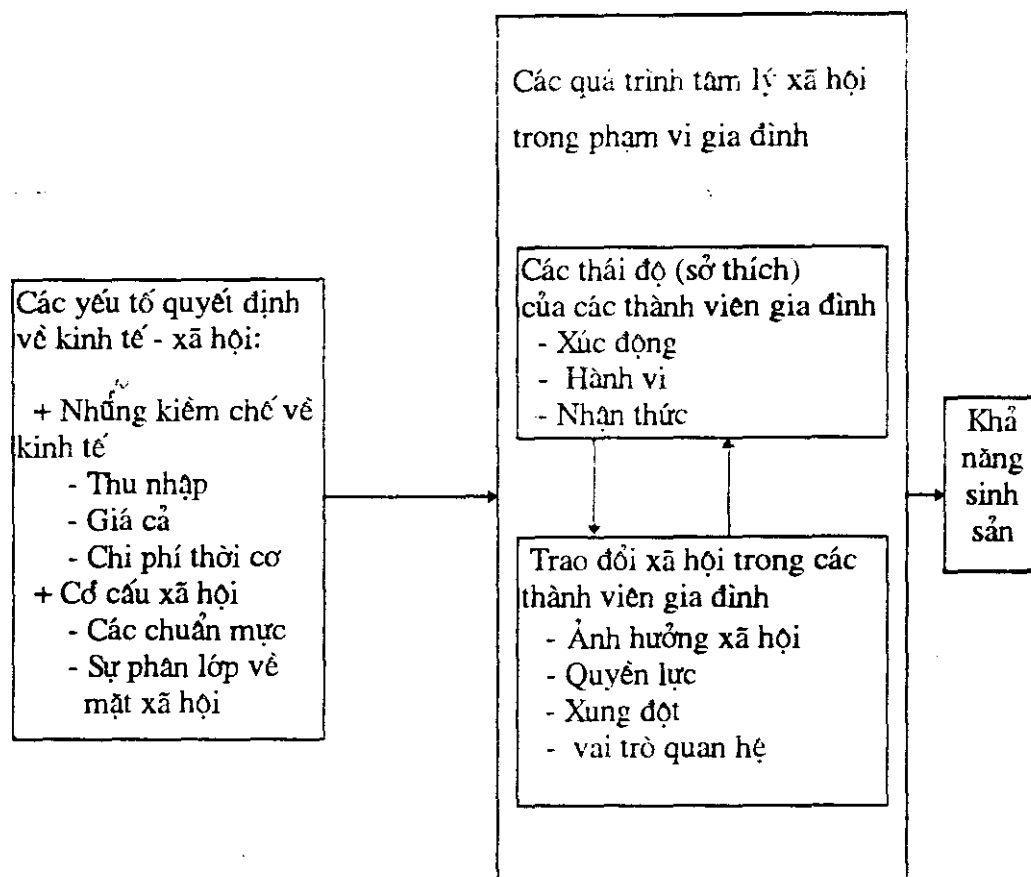
Các xã hội cũng có các chuẩn mực về từng biến trên, chúng rất quan trọng trong dự tính các mức sinh sản.

Giải thích mức độ sinh sản của một xã hội hay một nhóm là một công việc khác với việc tìm các lý giải cho sự sinh đẻ của các cá nhân hoặc của các cặp vợ chồng. Để giải thích sự biến đổi khả năng sinh sản trong các con người hoặc các cặp, thì các biến vi mô đã được bổ sung cho các sơ đồ khác. Vấn đề quan trọng cần nhấn mạnh nữa là các cách tiếp cận này không loại trừ nhau để nghiên cứu khả năng sinh sản, mà chỉ là những cách làm nổi bật khác nhau.

Sơ đồ 4 sẽ là một ví dụ về một khung bổ sung các biến về thái độ và tương tác gia đình vào lý thuyết về khả năng sinh sản. Cả các biến vi mô lẫn trung mô đã nói trên được đưa vào khung nghiên cứu theo sơ đồ này. Tuy nhiên, cách tiếp cận này cho rằng cũng cần chú ý đến các quá trình trong phạm vi gia đình. Các quá trình đó bao gồm những thái độ của các thành viên gia đình đối với sinh sản, cũng như sự trao đổi xã hội giữa các thành viên gia đình. Ví dụ, nếu có sự khác nhau giữa chồng và vợ về số con thích hợp cần có, quan trọng là cần hiểu các kiểu xung đột hoặc bàn bạc của họ để giải thích kết cục sinh sản cuối cùng.



Sơ đồ 4. Minh họa về lý thuyết bao gồm các biến tâm lý xã hội để phân tích khả năng sinh đẻ.



*Nguồn* : R.P.Bagozzi and M. Frances Van Loc, "Toward a General Theory of Fertility : A Causab Modeling Approach."

Demography, 05. No. 3 (August 1978) p. 303.

Những ví dụ về các cách tiếp cận trên đối với việc lập mô hình lý thuyết về khả năng sinh sản có lẽ đủ để minh họa là lập mô hình như vậy phức tạp đến mức nào. Không có khung sơ đồ nào là toàn diện hoặc có thể đáp ứng yêu cầu nghiên cứu toàn diện. Thực vậy, một số tác giả đã lập luận rằng tất cả các cách tiếp cận ấy đều ở tình trạng tinh và thiếu, không đủ để nhận biết mỗi biến trong các biến ấy có thể có tầm quan trọng khác nhau thế nào khi thêm mỗi đứa con.

Bây giờ ta đi vào cụ thể các ảnh hưởng vĩ mô, trung mô và vi mô. Nhưng không kể đến tất cả các biến có thể tác động đến khả năng sinh sản mà chỉ nêu lên các tính chất có thể tác động đến khả năng sinh sản và đưa ra một vài ví dụ đặc thù về chúng hoạt động thế nào.

### Các biến vĩ mô.

Ta hãy phân tích những ảnh hưởng lớn trong một xã hội, tác động đến hầu hết mọi người, tức là các biến ở cấp độ vĩ mô. Hai biến loại này có liên quan đến khả năng sinh sản là môi trường tự nhiên và mức phát triển của đất nước.

#### + *Các nhân tố về môi trường tự nhiên:*

Nhiều nhà văn có ý cho rằng môi trường tự nhiên là cái chủ yếu, nếu không muốn nói là cái duy nhất gây nên hành vi của con người. Vị trí của các thành phố, tôn giáo, sự phát triển kinh tế và cả đến hành vi tái sinh sản được mô tả là hoàn toàn hay một phần do khí hậu, tài nguyên và địa hình.

Về lĩnh vực sinh sản, có một đôi thuyết dân gian cho rằng, những người ở các nơi khí hậu ấm thì hoạt động tình dục mạnh hơn và do đó mắn đẻ hơn là những người ở khí hậu lạnh.

Mối quan hệ giữa độ cao địa hình tới sinh sản cũng đã có một số tác giả đề cập và đã gây ra tranh luận thú vị. Một số tác giả đã nhận xét thấy có khác nhau về khả năng sinh sản của các dân số sống ở các độ cao khác nhau ở Peru.

Một khía cạnh khác của tài nguyên thiên nhiên đã được coi là có khả năng ảnh hưởng đến sinh sản, đó là lương thực thích hợp và nước hỗ trợ cho đời sống rõ ràng là cốt yếu. Ngoài ra, những ý kiến dân gian còn phân biệt loại lương thực nào gây ra mắn đẻ hoặc tăng hoạt động tình dục.

Ở những nước ít lương thực, tỷ suất chết trẻ em cao. Sức khoẻ bà mẹ yếu đi do kém dinh dưỡng tác động đến đứa trẻ ngay trước khi sinh. Do vậy, thiếu đề kháng với bệnh tật vì thiếu Vitamin hoặc Protein, đứa trẻ dễ bị chết do những bệnh tật thông thường. Các gia đình ở các nước ấy đặc biệt quan tâm làm sao có con sống sót đến tuổi trưởng thành, vì đó là hình thức bảo hiểm xã hội chủ yếu đối với bố mẹ già. Do đó tử vong trẻ em cao sẽ khuyến khích tỷ suất sinh cao để đảm bảo an ninh tuổi già. Ví dụ, người ta đã tính là ở Ấn Độ một gia đình phải có 6,3 con để bảo đảm chắc chắn 95% là có một con trai, một hàng hoá có giá trị đặc biệt, sẽ còn sống đến khi người cha 65 tuổi. Nếu có nhiều lương thực hơn và đồ ăn thường ngày có nhiều hơn ở các nước đó, thì các tỷ suất chết hạ thấp hơn sẽ gây ra tăng trưởng dân số cao hơn, ít nhất là trong giai đoạn ngắn. Tuy nhiên, người ta thường lập luận rằng ăn uống được cải thiện trong các nước đang phát triển sẽ là một nhân tố quan trọng hạ thấp sinh trong một thời gian dài.